TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2018
Về tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

Ông Sơn Sô Phonl

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Màu - kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 249/2018/TLST- HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2018, về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đoàn Văn C, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh T.

Con chung: Cháu Đoàn Thị Cẩm T, sinh ngày 02/6/2001 (vắng mặt)

Cháu Đoàn Minh K, sinh ngày 23/10/2009 (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách – xã hội chi nhánh tỉnh Trà Vinh- Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần.

Người đại diện: Bà Ngô Ngọc Đ – chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tiểu Cần (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/05/2018, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Đoàn Văn C trình bày: Vào năm 2000, anh Đoàn Văn C xác lập quan hệ vợ chồng với chị Nguyễn Thị Hồng G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 09/12/2002. Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Đoàn Thị Cẩm T, sinh ngày 02/6/2001 và Đoàn Minh K, sinh năm 23/10/2009 hiện các con chung đang sống với chị G.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, anh C đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh 02 năm nay, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, dẫn đến mâu thuẫn và cả hai sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Nay, anh Đoàn Văn C yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng G.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Đồng ý giao 02 con chung cho chị Nguyễn Thị Hồng G nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2018, chị Nguyễn Thị Hồng G trình bày: Anh C đang làm ăn ở xa và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh C đang bị bệnh, chị không đồng ý ly hôn vì nếu ly hôn thì anh C không có ai chăm sóc.

Về con chung: Chị G đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tiểu Cần 8.000.000 đồng, chị tự nguyện trả một mình, không yêu cầu anh C cùng trả.

Cháu Đoàn Thị Cẩm T không có mặt tại địa phương nên không có bản tự khai tại hồ sơ, cháu Đoàn Minh K có bản tự khai ngày 06/6/2018 có nguyện vọng sống cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại công văn số 57/CV.NHCS.TC ngày 29/6/2018, bà Ngô Ngọc Đ đại diện theo pháp luật của Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần trình bày: Ngày 10/9/2011 hộ ông Đoàn Văn C có vay số tiền 8.000.000 đồng, nhưng do nợ vay còn trong hạn nên Ngân hàng không khởi kiện.

Ý kiến của kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến trước khi nghị án.

Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn còn vắng mặt không có lý do trong phiên hòa giải.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Đoàn Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng G.

+ Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Cẩm T, sinh ngày 02/6/2001 và cháu Đoàn Minh K, sinh ngày 23/10/2009 cho chị G nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị G không yêu cầu.

+ Về tài sản: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tiểu Cần 8.000.000 đồng, Ngân hàng không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đoàn Văn Công và chị Nguyễn Thị Hồng G, đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Đoàn Văn C xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh T theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Sau kết hôn, vợ chồng sống với nhau có 02 con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, do gia đình khó khăn, anh C đi làm ăn xa, tình cảm vợ chồng ngày phai nhạt, mâu thuẫn, thiếu tin tưởng nhau, hai người sống ly thân từ năm 2015, chị G xin đoàn tụ, nhưng không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm với nhau.

Xét thấy tình nghĩa vợ chồng của anh C và chị G thiếu tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, từ đó có cơ sở chấp nhận cho anh C được ly hôn với chị G là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Cẩm T, sinh ngày 02/6/2001 và cháu Đoàn Minh K, sinh ngày 23/10/2009 cho chị G nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị G không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Nợ chung: Có nợ Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần 8.000.000 đồng, chị G tự nguyện trả nhưng Ngân hàng chưa có yêu cầu khởi kiện nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 228, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn C.

Về hôn nhân: Cho anh Đoàn Văn Công được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng G;

Về con chung: Giao 02 con chung tên Đoàn Thị Cẩm T, sinh ngày 02/6/2001 và Đoàn Minh K, sinh ngày 23/10/2009 cho chị Nguyễn Thị Hồng G nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị G không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

Nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện Tiểu Cần 8.000.000 đồng, nhưng Ngân hàng không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Đoàn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0017717, ngày 14/05/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, nên anh C không phải nộp nữa.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Tiểu Cần ;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Long